TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2017/HSST
Ngày 25/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tơn và bà Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả: Bà Trương Thị Năm; Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sở thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 188/2017/HSST, ngày 07 tháng 11năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 09/7/1976 tại huyện H, tỉnh N; Nơi ĐKHKTT: Xóm Q, xã L, huyện H, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, khu 10, phường D, thành phố P, tỉnh N; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1937 (chết năm 2006) và bà: Trần Thị L, sinh năm: 1935; Có vợ là Lộc Thị T, sinh năm: 1985 và 02 con, lớn sinh năm: 2009, nhỏ sinh năm: 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/6/1996 bị Toà án nhân dân tỉnh T (nay là tỉnh N) xử phạt 48 tháng tù về tội "Giết người". Chấp hành xong hình phạt ngày 29/6/2000.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 11/9/2017, tạm giữ đến ngày 14/9/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặm "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh Lý Văn V, sinh năm: 1967; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 1, khu 10, phường D, thành phố P, tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Văn T và anh Lý Văn V (trú tại tổ 1, khu 10, phường D) có quan hệ hàng xóm. Từ giữa tháng 7/2017, T và anh V làm nghề bán nước cho những người không rõ lai lịch đánh bạc ở khu vực đồi núi phường D, thành phố P. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 22/8/2017, T và anh V đi bán nước ở đường đất khu vực đồi thuộc tổ 6, khu 9, phường D. Trong quá trình bán nước, anh V để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, cách chỗ anh V ngồi khoảng 40cm, sau đó bê nước đi bán cho khách hàng. Lúc đó, T ngồi bên cạnh nhìn thấy anh V để điện thoại, nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc anh V đang đưa nước cho khách, T quan sát thấy mọi người có mặt ở đó không để ý, nên lấy điện thoại của anh V, rồi đi ra cách đó khoảng 25m, tháo sim vứt đi, cất điện thoại vào trong túi quai chéo đang đeo trước ngực và quay lại chỗ bán hàng. Sau khi đưa nước cho khách, anh V quay lại chỗ lúc trước ngồi để lấy điện thoại, thì phát hiện bị mất. Anh V thông báo cho mọi người có mặt ở đó biết và hỏi T có cầm điện thoại của anh V không, thì T nói không cầm. Sợ anh V khám người, T để chiếc túi đang đeo bên trong có điện thoại của anh V xuống dưới đất. Anh V vỗ tay vào hai bên túi quần của T kiểm tra không thấy có điện thoại. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, tất cả đi về. T đem điện thoại trộm cắp của anh V về nhà cất giấu. Sau khi bị mất điện thoại, anh V có kể cho anh Triệu Qúy B là người quen, ở cùng tổ dân biết. Ngày 28/8/2017, T sử dụng chiếc điện thoại lấy trộm của anh V, cầm đến nhà anh B chơi. Anh B nhận ra điện thoại của anh V, đã khuyên T trả lại anh V, nhưng T không trả. T cầm điện thoại trên đến hiệu sửa chữa điện thoại, xóa dữ liệu và cài đặt lại ứng dụng và tiếp tục sử dụng. Anh B sau đó đã kể lại cho cho anh V biết T đang sử dụng điện thoại của anh V. Ngày 11/9/2017, anh V cùng con trai là Lý Văn C và 02 người bạn của C đến yêu cầu T trả lại điện thoại. T trả điện thoại cho anh V nhưng không nhận là trộm cắp mà nói đã nhặt được. Hai bên đã xảy ra xô xát, hậu quả T bị: 01 vết thương rách ra gần tai trái dài 2,5cm sâu 1,5cm; 01 vết thương rách da ngón 1 bàn tay phải dài 3,5cm sâu 01cm. Anh Nguyễn Văn T là hàng xóm cùng tổ dân đến can ngăn, sau đó báo cơ quan công an đến giải quyết.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiếp nhận 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S do anh Lý Văn V giao nộp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐ ngày 13/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận: chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, trị giá 4.500.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chiếc điện trên cho anh Lý Văn V.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 501/17/TgT ngày 29/9/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh N kết luận: Thương tích của Nguyễn Văn T bị tổn hại 4% sức khỏe.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. T từ chối giám định thương tích và không đề nghị xử lý hình sự đối với Lý Văn V và Lý Văn C về hành vi gây thương tích.

Tại bản cáo trạng số: 195/KSĐT-HS, ngày 03/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Nguyễn Văn T tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố. Bị cáo khẳng định việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội không oan. Việc bị cáo bị V và C gây thương tích, hai bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu xử lý hình sự đối với V và C. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố và anh trai là người có công với cách mạng cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại anh Lý Văn V tại cơ quan điều tra và tại phiên toà có lời khai phù hợp về địa điểm, địa hình, thời gian, đặc điểm vật chứng trong vụ án, thể hiện như sau: Khoảng tháng 02/2017 V mua chiếc điện thoại OPPO F1S mới tại cửa hàng điện thoại di động M thuộc tại khu 6, phường D, bao gồm cả ốp với giá 5.990.000đồng. Giữa V với T là hàng xóm, không có mâu thuẫn. Ngày 22/8/2017, trong lúc cùng bán hàng, V để điện thoại OPPO F1S trước mặt cạnh chỗ ngồi rồi đi chỗ khác thu cốc, thu tiền thì bị mất. Sau đó V được Triệu Quý B nói cho biết T đang sử dụng chiếc điện thoại của V bị mất nên nhiều lần V đòi nhưng T không trả. Ngày 11/9/2017 V cùng con trai là Lý Văn C và hai người bạn của C đến nhà T đòi điện thoại thì T đã tự nguyện trả nhưng T không nhận đã trộm cắp mà nói là nhặt được nên giữa V, Cừ với T đã xảy ra xô sát. Sự việc đã được anh Nguyễn Văn T tổ trưởng dân phố và Công an đến can thiệp giải quyết. Nay V đã nhận lại điện thoại, không yêu cầu T bồi thường gì thêm và mong Hội đồng xét xử xem xét T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ không công việc, hai con còn nhỏ, cho bị cáo T được cải tại tại địa phương để lao động giúp gia đình vợ con.

Người làm chứng anh Triệu Quý B tuy vắng mặt tại phiên toà nhưng quá trình điều tra có lời khai thể hiện: B là hàng xóm của T và V, không có mâu thuẫn. Thỉnh thoảng B mượn chiếc điện thoại OPPO F1S của V để truy cập Internet. Sau khi V kể việc bị mất điện thoại thì B cũng được T cho xem chiếc điện thoại OPPO F1S đang sử dụng, B phát hiện đó là điện thoại của V vì nhận biết được qua vết xước, điện thoại còn lưu ảnh của V và tên các mạng Wifi mà B đã truy cập. B bảo T trả điện thoại cho V nhưng T không trả mà còn mang ra quán để xoá dữ liệu cũ và cài đặt lại ứng dụng cho máy.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đưa ra các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đề cập.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 11/9/2017; Biên bản về việc bắt người lập hồi 19 giờ 40 phút ngày 11/9/2017; Biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 110/BB- ĐĐGTS ngày 13/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự; Biên bản thực nghiệm điều tra lập hồi 10 giờ 20 phút ngày 18/9/2017; Bản ảnh thực nghiệm hiện trường; Bản ảnh thực nghiệm điều tra lập ngày 18/9/2017.

Với các chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 22/8/2017, tại khu vực tổ 6, khu 9, phường D, thành phố P, tỉnh N, Nguyễn Văn

T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhân hiệu OPPO F1S trị giá 4.500.000đ của anh Lý Văn V.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị xét xử đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng coi thường pháp luật, thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, bị cáo nảy sinh ý định và lén lút chiếm đoạt tài sản của chính người quen biết. Sau khi bị anh V phát hiện bị cáo đã cố tình phủ nhận hành vi của mình đến khi không thể che dấu được nữa thì mới tự nguyện giao trả tài sản. Việc thu hồi lại tài sản nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: Ngày 29/6/1996, bị Toà án nhân dân tỉnh T (nay là tỉnh N) xử phạt 48 tháng tù về tội ‘‘Giết người’’ chấp hành xong hình phạt ngày 29/02/2000, thời gian được xóa án tích tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 2 năm. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn; bị cáo đã tự nguyện trả lại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo sinh ra trong gia đình có người có công với nước: Bố bị cáo là ông Nguyễn Văn H đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng "Huân chương kháng chiến hạng nhì"; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ không có công ăn việc làm, hai con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Vậy nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Đồng thời căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật mà cải tạo, giáo dục thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với Lý Văn V và Lý Văn Ccó hành vi gây thương tích cho Nguyễn Văn T, quá trình điều tra Tình đã từ chối giám định thương tích và không đề

nghị xử lý hình sự Việt và C. Ngày 23/10/2017, Công an thành phố P đã quyết định xử phạt hành chính đối với V, C nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại, hiện người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám tháng) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh N quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, người bị hại báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố P;
- TAND tỉnh N;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADSTP P;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án- Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán
(đã ký)

Nguyễn Trọng Hiệp